

BẮC SƠN LỤC

QUYỂN 4

I. TÔNG SỬ NGHỊ

(Bàn luận về kinh, luật, luận, thiền, mỗi pháp đều có đạo của sư thừa tông tổ)

Sóng thừa của Nại Uyển, đến đầu niên hiệu Vĩnh Bình mới chảy tủa (là khu vườn ở nước Ba-la-nại, cũng là nước Ba-la-nitư, Hán dịch là thành Chú Nhiểu, vì sông chảy quanh thành, gieo giống cây hoa, có khu vườn tên là Lộc dã, đức Như lai thường ở đó nói pháp. Niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, Phật pháp mới truyền đến Trung Hoa, nên gọi là mới (triệu)). Từ phía đông Thông Lãnh đến Lưu sa, phong quang dần xa (phía Tây Chấn Đán có ngọn núi rất cao tên là Thông Lãnh, vì thông đó xanh biếc cho nên gọi tên như vậy) tủa khắp đến Trung hạ. Ở đời Hán hơi có kinh học, còn thiền luật chưa dung (dung là nói, từ Trúc-pháp-lan, v.v... mới bắt đầu mang kinh Tứ Thập Nhị Chương đến, lại có An thanh, v.v... mang kinh tượng đến, nhưng chưa hiểu thiền luật) người tuy cạo tóc, mà chuyên việc như thế tục, y phục không điều tương, thức ăn có cả cá thịt, cúng hội trai sám, giống như tế tự (tăng không giới luật, như tục chẳng khác. Y nghĩa là ca-sa, Hán dịch là hoại sắc, có ba thứ y: Một là Tăng-già-lê, Hán dịch là hợp thành, cắt vải may chồng lại, ba bức dài một bức ngắn; hai là Uất-đa-la-tăng, Hán dịch là thượng trước y, là y mặc trên hết, hai bức dài một bức ngắn, nay là y bảy điều; ba là An-đà-hội, Hán dịch là Trung túc y, nghĩa là cận thân, tức y năm điều, cũng nghĩa là y chấp tác. Đây là ba y. Đức Như lai điều khiến cắt rọc để để làm điều lá, lấy biểu tượng ruộng lúa, bởi lấy nghĩa sinh ra phước tuệ, hòa chí là thịt, quân là đồng) Chu Sĩ Địch là người đầu tiên xuất gia (Sĩ Địch, người xứ Dĩnh Xuyên, sau khi xuất gia lấy đại pháp làm trách nhiệm của chính mình, ở Lạc Dương Giảng Tiểu phẩm, thường hay chẳng thông, thường khen kinh này là cốt yếu Đại thừa mà dịch lý chẳng hết, bèn tìm đến Vu-điền, quả nhiên gặp

được Chánh phẩm bản phạm, sai đệ tử thỉnh đưa về Lạc Dương. Các sư Tiểu thừa ở Vu-điền cho là chư Tăng đất Hán dùng Sách Bà-la-môn làm loạn chánh điển, do đó đốt hủy mà chẳng tổn hại, tức nay là kinh Phóng Quang Bát-nhã) đầu đời Ngụy, Đàm-kha-la bắt đầu truyền giới pháp, lá vàng khuôn ngọc năm thiên bảy tụ (đời Nguyên Ngụy Phật pháp truyền vào đất Hán, giới luật từ Kha-la là đầu tiên, Ba-la-di, tăng tàn, Ba-dật-đề, Đề-xá-ni, Đột-kiết-la là năm thiên, thêm Thâu-lan-già, ác-tác, ác thuyết là bảy tụ) thể của tăng khẩu là lỗi trái (tăng là chánh, lỗi của miệng có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, thân có ba: Sát, đạo, dâm. Trì giới luật có công năng chánh đó, khiến không lầm lỗi) tiết phục làm mạn dịch của soạn, liệt thay thương điển, thê thê thay sương lạnh, trật trật thay khoa điều (liệt liệt là oai, thê thê là nghiêm, trật trật là thanh, nói giới pháp nghiêm tuấn) chẳng oai mà nghiêm tức chẳng hình phạt mà trị, ở Thần Châu có Sa-môn, Kha-la là đầu tiên (thời Hán tuy có Sa-môn, mà giới luật chưa hoàn bị) xưa kia cuối thời Hán có An Thế Cao, thời nhà Cao có Khương Tăng Hội đều là kỳ nhân của khu vực xa (Thế Cao là Thái tử của vua nước An-tức. Tăng Hội là Thái tử của vua nước Khương-Cư, cái gọi là phương ngoài mà chẳng ngụ ở người tục. Trang Tử nói: Kỳ nhân là ẩn ở người mà ngang ở trời), học cùng chỗ sâu kín của trời người, đức động khế hợp với quỷ thần (Tôn Hạo sắp cấm dâm tử mà muốn hủy phế, khiến Trương Dục vận hỏi Tăng Hội, hết ngày mà chẳng thể khuất phục, Thế Cao đạo đến Bình Đình, Thần hồ mới thấy, nhân đó cảm hóa mà bỏ đường ác) đèn như Trí Tham u vận, Tăng Hội như chẳng kịp (Thế Cao biết có túc trái mà hai lần lại đáp trả) chế ra Thủy Văn, Tăng Hội có lẽ hơn đó (Tăng Hội tài biện lập lời Thành Điển). Từ đó về trước, Sư huấn chưa rõ (từ niên hiệu Vĩnh Bình thời hậu Hán đến niên hiệu Xích Ô thời nhà Ngô, tuy có phiên dịch, nhưng chưa lưu truyền tốt đẹp lắm) tường cách mũi nhọn của Tăng Hội, chẳng có ai được môn đó (Tử Cống nói: Tường của Phu Tử vài mũi nhọn, được môn đó là hiếm ít) ở đời Ngụy có Chi Khiêm ở xứ Nguyệt Chi, thọ học ở Chi Lương, Chi Lương thọ học từ Chi Sấm nói rằng: Trong thiên hạ biết rộng chẳng vượt ngoài Ba-chi (vốn là Ưu-bà-tắc ở nước Nguyệt-Chi, cuối đời Hán mới đến Lạc Dương, tinh cứu thành nghề nghiệp, thông khắp dị thư, hiểu tiếng sáu nước, nhiều chỗ thám học) Chi Khiêm là người nhỏ cao đen gầy, mắt trắng mà tròng vàng. Nói là Chi-lang. Chi-lang vàng trong mắt, thân hình tuy thấp nhỏ mà là đầy trí, cuối đời Hán. Lánh nạn về đất Ngô. Tôn Quyền tôn làm Tiến sĩ, Phụ Đông cung cùng Vi Diệu đồng hàng, mà Ngô Chí chẳng ghi

chép, bởi sử thần chẳng ngay thẳng (Đông cung tức Thái Tử Hòa, được khen mà phế. Vi Diệu tự là Hoàng tự, ham học khéo thuộc văn, chuyển đổi Thái Tử trung thứ, sau lụy chuyển đổi đến Thị Trung, tu chính Ngô sử chưa xong thì bị Tôn Hạo giết chết). Ở Thục có kinh Phổ Diệu chẳng biết do ai dịch (mười quyển, nhập tạng hiện hành).. lời mờ chí ngôn, đối với tục của nhân dục thì hẳn tạc bính trở ngữ (tạc bính là cán, trở ngữ là dáng chẳng đều nhau. Sở Từ nói: chẳng lường tạc mà Chánh Bính mà cây gỗ phá, như dùng thiện mà ném ác) nghi báng rồi ren, chẳng phải hiền của thần đức tôn oai thì không sùng công khắp vật, mà Thục Chí chẳng ghi chép truyện người đó là, bởi họ Lưu muốn làm phản nhà Hán. Vật cũ dấy binh lính ở Ngụy. Giáo của Du Huyền tuy mở mang, động của Nguyên tượng chưa hiển, bèn khiến đời sau những người ghi chép rõ ràng tìm hận (Lưu Bị nhân cuối đời Hán Hiến ba phần chiếm cứ Thục, phía Bắc có thù của Bá Ngụy, phía Đông có địch của Tôn Ngô, chứa để lương thực, huấn luyện binh lính, chiến tranh ngày một cản trở, đầu rảnh mà mở mang giáo pháp không tịch. Lại Trần Thọ Thục Chí nói: Gia Cát sắp mất tại chẳng đặt sử quan, vì vậy không văn mà ghi chép) đầu đời Tấn có Trúc Pháp Hộ, bấy giờ gọi là Bồ-tát Đôn Hoàng (Cao tăng Trúc Pháp Hộ người xứ Đôn Hoàng, tám tuổi xuất gia, sau đến Tây Vực, dốc chí ham học, muôn dặm tìm thầy. Tôn Xước Phương Chi Sơn Cự Nguyên, dịch kinh Chánh Pháp Hoa v.v... đến thời Tấn Tuệ thị tịch tại Thăng Trì) môn hạ có bảy tác giả, đó là đầu tiên dịch Chánh Pháp Hoa, đã định cổ huấn bảo Khương-na-luật giảng trao, người phúng tụng tự nhiên lấy làm đẹp. Đến đời La-thập dịch là Diệu Pháp Liên Hoa mà chỗ dịch của Pháp Hộ hơi ngậm tỏa sáng (trong niên hiệu Hoàng Thỉ, La-thập dịch tại vườn Tiêu Dao, ở đời đang lưu truyền hưng thịnh, còn bản Chánh Pháp Hoa hơi ít, nay ở trong tạng, bởi thấy Đại Lộ là chẳng lấy chùy luân làm quý (Văn Tuyền nói: Chùy luân là mối đầu của Đại Lộ, Đại Lộ sao có chất của Chùy luân, thêm băng làm chỗ chứa nước thành, chứa nước thêm nhỏ ở lạnh của tầng băng, Chùy luân là xe sạn cổ. Đại lạc là Ngọc lạc, được hoa quên nghĩa của mộc mạc) môn nhân của Pháp Hộ có pháp thừa (Trúc-Pháp-Thừa nương Pháp Hộ làm Sa-di, tuy trẻ thô mà thần ngộ soi xét cao hơn người. Có đối đến Pháp Hộ, gấp cầu hai mươi vạn tiền, Pháp Hộ chưa đài, năm mươi ba tuổi, Pháp thừa ở cạnh thầy, đã nói rằng: Hòa-thượng đã hứa với người trước, Pháp Thừa hẳn chẳng phải người cầu của cải, sắp trông thấy đạo đức của Pháp Hộ) Tài tuệ nổi bật, Tôn Xước phương khác Vương Tuấn Xung, về đều trẻ nhỏ có soi xét của cơ ngộ (Vương Nhung, tự là Tuấn

Xung, người xứ Thái Nguyên, con của Hồn, cùng Nguyễn Tịch kết bạn từ nhỏ đến hai mươi tuổi, cùng được như thời đồng bạn, thường đến nhà mỗi liền đến nhà Nhung, nói với người cha rằng: Tuấn Xung thanh chuộng chẳng phải Hương luân, cùng Hương nói năng chẳng bằng A Nhung.) Trúc-pháp-nhã (người xứ Hà Gian, Phổng Chánh có thứ thuở thiếu thời giỏi ngoại học, lớn lên thấu đạt kinh Phật, tài tư tuấn thiêm, các hiền giả bấy giờ rất mến mộ, giỏi cả soạn thuật) Khương Pháp Lăng (người xứ Trung Sơn, khéo rành giới tiết, dạo khắp các nước Tây Vực trở về) đem nghĩa loại trong kinh Phổng Luận bàn sách nhỏ, làm ví dụ về sinh giải, gọi đó là cách nghĩa để dạy răn môn học, thường cùng Đạo An, Pháp Thái giảng nói các kinh, đều khéo tận cốt yếu. Môn nhân của Pháp Lăng có Lệnh Thiều, mỗi lần nhập định mấy ngày mới xuất, Pháp Lăng khắc cây làm tượng, như lễ thờ sống bạch pháp tổ tuần của thần gió. Đối với Vương Đạo thì dùng giản suất, đối với trông đó thì trang kính lấy làm Phong Đạo của Vương Công. Ở đây nói biện lệnh quý độc cách vật (Bạch Viễn, tự là Pháp Tổ, Vốn họ Vạn, người xứ Hà Nội. Tài tư thấu suốt, thông minh chẳng ai bằng, mỗi ngày tụng muôn lời, gặp lúc nhà Tấn loạn bèn trốn đến Lũng Hữu, Tần châu. Thứ sử Trương Phụ mến trọng, muốn cho trở về quy phục, nhưng chẳng theo bèn giết, phiên Hán truy điếu. Tôn Xước Đạo hiền luận Phương Chi Kê Khương). Em của Pháp Tổ là Pháp Tộ, đức tài xung đầy thật út của Pháp Tổ (Pháp Tộ cũng có ít vẻ vang bị bác sĩ gạn hỏi mà chẳng đến, năm hai mươi lăm tuổi xuất gia, thấu suốt Phật lý. Thứ sử là Lương Châu Trương Quang vì anh của Pháp Tộ chẳng chịu quy phục, Trương Phụ bèn giết, Trương Quang lại ép bức đến Pháp Tộ, cũng kiên chí chẳng theo, nên cũng bị Trương Quang làm hại) Bạch Cao Tòa là bậc tài giỏi cao xa (Bạch-thi-lê Mật-đa-la, người nước Cát Giao, bấy giờ gọi là Cao Tọa, vì Ngài khéo nói pháp. Con của vua nước đó, nhường ngôi vị mà xuất gia vào thời Đông Tấn, dịch kinh Dực Sư, v.v...) Vương Đạo nói với đó rằng: Nước ngoài có quân (vua) một người mà thôi. Thi-lê-mật cười bảo: Nếu khiến bản đạo chỉ như đàn việt làm ngày nay, đâu được đến đây (Kiên Tịch vào niên hiệu Hàm Khương đời Tấn, thọ hơn tám mươi tuổi, an táng tại sườn núi Thạch Tử, sườn núi ở đất Ngô, về sau xây chùa) Chi Độn thường sai người đến Trúc Tiềm mua núi, tức ngang bên cạnh tiểu lãnh của Lê Châu (Chi Độn tự là Đạo Lâm, họ Quan, người xứ Trần Lưu, thuở bé đã thân tuấn, thông minh tài giỏi, Vương Mông rất mến trọng. Sau đến Tiểu Lãnh ở Lê Châu lập chùa, về già, ra Sơn Âm giảng kinh Duy-ma, Hứa Tuân làm Đô giảng) Trúc Tiềm nói: Muốn lại liền

cấp, đầu nghe Sào Hứa mua núi mà ẩn (Trúc Tiềm, tự là Pháp Thâm, họ Vương, em của Đại tướng Quan Đôn đời Tấn, tôn thờ Lưu Nguyên Chân ở Trung Châu làm thầy, Nguyên Chân có tài nổi tiếng, về sau ẩn tại núi Diễm, người đương thời tìm vết hỏi đạo). Về sau Chi Độn gửi thư cho đạo nhân ở Cao-Ly, nói: Thượng tọa Trúc-Pháp-Thâm, đệ tử của Lưu Công ở Trung Châu, thể tánh trinh kỳ, đạo tục luân tông đến chỗ kinh ấp, duy trì lưới pháp, trong ngoài đều chiêm ngưỡng thật là bậc thầy mở mang đạo pháp. Đốc đem đạo nghiệp giúp sức, chẳng nạn trần tục, khảo thất núi Chằm tu đức an nhàn, nay ở tại Ngang Sơn của huyện, dẫn hợp đồng đạo, luận Đạo nói nghĩa, lâu cao rộng rang, xa gần có vinh. Tôn Xước sánh Trúc tiềm với Lưu Bá Luân, gọi là thể của khoáng đại đồng. Bấy giờ, Trúc-Pháp-Hữu ở Ngang Sơn theo Pháp Thâm thọ học A-tỳ-Đàm (một trăm quyển) qua một đêm bèn tụng Pháp Thâm bảo: Qua mắt thì tụng thuộc xứng với người xưa. Nếu đáng Năng Nhân tái hiện ở đời Đại Tấn này hẳn lấy ông làm một trong năm trăm người (năm hai mươi bốn tuổi, Pháp Hữu bèn khéo giảng nói, sau lập chùa Nam Đài ở thành Diễm Huyện) ở đời Tấn Thành có Khương Tăng Uyên, Khương pháp sớ, Chi Mẫn độ đều qua sông (Tăng Uyên vốn người Tây quốc, sinh tại Trường An, xuất gia làm tăng, thường đi khát thực tự sống, đức Vượt hơn Pháp Sớ và Mẫn Độ cùng Ân Hạo đối hỏi điển tịch nội ngoại, Hạo đỏi lý chẳng thể đáp). Pháp Sớ thường nắm đuôi cờ đi, mỗi lúc gặp khách tiếng tăm liền bàn luận cả ngày, Dữu Nguyên Quy nói: Đuôi trần này vì sao thường còn? Pháp Sớ bảo: Liêm là chẳng cầu, tham là chẳng cho, cho nên thường còn, trước thuật nhân vật thí nghĩa (Chi Mẫn Độ soạn thuật dịch kinh lục, nay hiện hành ở đời) Chi Độn mới đầu đến kinh đô, Vương Mông rất quý trọng, nói với mọi người rằng; Công đức nhỏ nhiệm chẳng giảm phụ tự. Lúc Ân Dung cùng vệ trần giao thời, cho rằng đó thần tình thấu suốt, Hậu Tấn chẳng có ai kế tiếp. Đến lúc gặp Chi Độn khen ngợi coi trong người này (nhược nhân là người này gọi là trần quý) mỗi lúc giảng Chi Độn khéo nêu Tông hội, mà chương cú hoặc có chỗ sót, bây giờ làm Tông văn là chỗ sơ sai. Tạ An nghe liền bảo: Đây là ngựa chân tướng của chín phương. Lược đen vàng mà lấy ngựa giỏi (Trang Tử nói: Tướng của chín phương là Chân thiện, Hoài Nam Tử, Tần Mục Côngvời Bá Lạc sai tìm kiếm ngựa, ba tháng sau trở lại nói: Đã được, tại Sa khâu, Mục Công hỏi: Ngựa gì vậy? Đáp: Đực mà vàng, kíp đến ly mà cái, Mục Công tức giận bảo: Chỗ ông tìm kiếm mầu lông đực cái chẳng biết. Bá Lạc bùi ngùi nói: Một đến đây đã, chỗ xem là thiên cơ, được tinh mà quên thô, ở

trong mà quên ở ngoài, thấy chỗ thấy mà quên chỗ chẳng thấy. Ngựa đến mà quả nhiên ngựa của thiên hạ) sau ra Lệ Châu ở Sơn Âm giảng kinh Duy-ma. Hứa Tuân làm Đô giảng. Chi Độn giải thích một nghĩa, chúng cho rằng Hứa Tuân không chỗ chỉ nạn, Hứa Tuân bày một cật nạn cũng cho rằng Chi Độn chẳng thể giải thích (thế thuyết Hứa Tuân tự là Huyền Độ ưa thích đạo sông núi, Thuyết bèn lên Thiệp ẩn hang sâu Vĩnh Hưng, thường khiến bỏ sót của chư hầu bốn phương. Huyện Sơn Âm ở Việt Châu, tức Vương Hữu Quân Lan Đình khúc thủy ở đây, có thành nhỏ của Việt Vương Câu Tiễn hiện còn) Ai Đế nêu ra kinh đô Vương Mông sớm dựng mấy trăm lời, cho rằng Chi Độn chẳng thể chống lại. Chi Độn từ từ bảo, Bần đạo và Quân Cách biệt đến nay đã nhiều năm. Quân nói rõ chẳng tiến xa. Hy siêu hỏi Tạ An rằng: Lâm Công bàn luận sao giống như Kê Trung Tán (Hy siêu, tự là Gia Tân, Hoàn Ôn Ký thất tham quân, thân hình thấp bé có nhiều cơ biện. Kê Khương làm Trung tán đại phú) Tạ An nói: Cố gắng lo lường được đi. Lại hỏi: Đối với Ân Hạo thế nào? Đáp: Gắng gỏi luận biện sợ ân rãnh rồi, Chi siêu nhỏ thẳng lên, Ân có đức then, về sau Siêu gửi thư cho bạn thân nói: Pháp sư Lâm thân Lý Thông Huyền nổi bật riêng ngộ, mấy trăm năm nay tiếp sáng Đại Pháp, khiến chân lý chẳng dứt, chỗ một người mà thôi, Chi Độn lúc nhỏ cho rằng gà con không có mạng sống, vị thầy tranh luận lại chẳng thẳng, sau khi chết bị hình luật ném trứng dưới đất, vỡ vỡ ra gà con bước đi, Chi Độn mới cảm mà ăn chay, (Chi Độn cùng thầy luận bàn rằng trứng sống dụng chưa đủ, giết đó không tội, vì thì Chi Độn tài tuệ biện bác nên thầy chẳng thể thẳng, bèn hiện thân chết, ném trứng để giác ngộ đó). Lễ nói: Quốc quân xuân chẳng trái đâm, đại phu chẳng bưng bít các sĩ chẳng lấy... trứng hư. Chi Độn như mới đầu là chưa biết. Đã biết vậy thì chẳng trái nhân, đâu đợi sự dạy răn của thầy (bởi thầy thấy trước đó còn chưa ngộ) có người bỏ sót ngựa, Dưỡng bảo: Tôi muốn nó thần tuấn nên lại nuôi dưỡng nó, có người tặng hạc, bèn thả rồi bảo: Mày là vật xung thiên, sao làm vật để vui tai mắt. Trước trải qua núi diêu ỏ, đến nơi sinh thần riêng trở về trong ỏ. Hoặc có người hỏi ý đó, đáp: Trước kia Tạ An mấy lần lại gặp gỡ liền chuyển đời cả mười ngày, nay chạm tình khắp mắt, không gì chẳng hứng tưởng, Tôn Xước so sánh các Hương Tử Kỳ (Hương Tú Tự là Tử Kỳ) vì nhà chuộng phong hảo đồng với Lão Trang. Vu-Pháp-lan (người xứ Cao Dương, thuở trẻ có tiết tháo khác thường) Ẩn ở hang hốc, bấy giờ băng tuyết rất nhiều, có một con hổ vào phòng, Pháp-lan thần sắc không đổi, sau đến Giang Đông, sắp tới Tây Thành đến Giao Châu,

thị tịch tại Tượng Lâm. Chi Độn làm bài tán rằng: Dòng họ Vu Diêu thế gồm rõ Huyền Chỉ, vui ẩn núi đầm, rõ thuần hổ dữ. Tôn Xước phượng ở Nguyễn Tự Tông, đều dùng cao thượng khác mọi người, học trò của Vu-Pháp-lan có Vu-Pháp-khai và Vu-Pháp-Thúy, học trò của Vu-Pháp-khai có Vu-Pháp-oai suốt ba đời đều nổi tiếng, Pháp Khai từng cùng Chi Độn luận nghĩa tức sắc không, bởi kinh địch của rồng hổ (Lô hỏi sao im lặng, trình bày pháp khai cật nạn Cao Bình, Hy siêu tuyên thuật, Đạo lâm giải thích đều truyền ở xuất vậy) Tôn Xước vì Pháp Oai làm bài tán rằng: Dịch nói ngựa bạch (Văn của quả Bí) Thị Viên văn vẻ, ban như tại trường, phân nhã thuần lạo, vu oai phát rõ, rõ ràng xét xa, có danh khiết đó, không thẹn lòng ân, Pháp Khai từng sai Pháp Oai ra đò, trên đường ngang qua Sơn Âm tính toán, Chi Độn đang giảng Bát-nhã, sáng sớm hôm ấy đến chỗ nêu bày công kích cật nạn, Pháp Oai đến quậ quả nhiên chẳng nghĩ ra kế đó, mới qua lại vài phen, Chi Độn kéo lui, nhân đó gắng tiếng bảo: Ông sao đủ khả năng mà nhận người chuyển gửi lại ư? Sau có sắc chiếu nêu giảng kinh Phóng Quang, Pháp Thúy theo Pháp Khai qua sông, tịch ở Giao Chỉ (đất của Nam kích, Thông Dự nói: Người nước kia đứng hai ngón chân cái giao nhau) Hy Siêu vẽ tượng Chi Độn, khen rằng: Anh anh thượng nhân, thức thông lý suốt, chất sáng ngọc ngời, đức âm thơm tỏa. Tôn Xước sánh với Nguyễn Oai. (Nguyễn Hàm tự là Trọng Dung, nhà nghèo bảy tháng bảy ngày đều phơi áo đẹp, Nguyễn Hàm đang ở trong sân phơi Độc Tỵ Côn, có người hỏi rằng đâu thể khỏi tục) vì đó Cao Phong nhất trí. Ở núi Diễm có Trúc Pháp Sùng (chẳng rõ là người xứ nào, từ thiếu thời vào đạo, chỉ chuyên một kinh Pháp Hoa, sau soạn thuật nghĩa sơ bốn quyển lưu hành) Sư có đến Lộ Sơn ở Tương Châu (Nay là Đàm Châu), thần núi hóa thành Đại Nhân, đến Pháp Sùng cầu thỉnh giới, thần núi bèn cúng núi làm chùa, ở đó thời gian ngắn, trị Tương sĩ, sau trở lại núi cát hiện của núi Diễm dựng am tranh ở, uống nước suối mà thôi) học trò của Trúc Tiềm có Trúc Pháp Nghĩa, chợt mắc bệnh tim, chỉ thành xưng niệm Quán Thế Âm mộng thấy bị người mổ ruột, bệnh ấy bèn lành (năm mười ba tuổi Pháp nghĩa gặp Trúc tiềm, lấy làm lạ bèn khuyên xuất gia, đi khắp nơi nghiên cứu các kinh điển, cứu thiện Pháp Hoa: Sư thị tịch vào niêu hiệu Thái Nguyên thứ năm thời Đông Tấn) Phó Lượng nói: Tiên Quân tôi cùng Nghĩa Công đi đến đâu thường nghe Quán Âm thần dị, bất luận lớn nhỏ đều nghiêm túc, Hiếu Võ mời ra kinh đô giảng pháp (Hiếu Võ con của Văn Giản Đế đời Tấn tên là Xương Minh ở ngôi được hai mươi bốn năm thì băng) người xưa xuất gia lấy họ thầy, Đạo An thọ nghiệp từ Phật-đồ-

trừng, Phật-đồ-trừng họ Bạch, Đạo An cho rằng thầy chẳng hơn Phật, bèn lấy chung họ Thích làm họ, nên Sa-môn ở Trung hạ (Trung Hoa) xưng họ Thích là từ Đạo An là đầu tiên. Ngữ nói: Học chẳng bắt chước Đạo An nghĩa chẳng trúng nạn. Tập Tạc Xỉ gửi thư cho Tạ An nói: Vừa rồi gặp Thích Đạo An, hảnh bậc thảng sĩ phi thường, thầy trò vài trăm vị, trai giảng chú giải mỗi một, không kỹ thuật biến hóa có thể dùng mê hoặc tai mắt người thường, không dốc phạt trọng oai có thể để sửa sự so le, của quần tiểu, mà thầy trò nghiêm trang tự kính nhau, ích lợi đẹp xinh xưa nay chưa từng thấy, người ấy các sách nội ngoại đều lược xem qua. Âm Dương Kế số cũng đều thông hiểu, diệu nghĩa kinh Phật hẳn là chỗ thể hội, lật lại trừ tính không thể sánh vai. Hận dưới chân chẳng đồng ngày mà gặp, Tuệ Viễn lúc đầu là nhà nho, tuổi ngoài hai mươi mới gặp Đạo An ở Thái Hành thuộc Hằng Sơn, vui mừng nói: Đây thật là thầy của ta! Thường muốn thống nhiếp giềng lưới, lấy đại pháp làm tránh nhiệm của mình, suốt cả ngày đêm, bần lữ nhiều thiếu sót, Đàm Dực thường cung cấp chi phí đèn dầu, Đạo An nghe vậy bảo: Đạo sĩ thật là biết người. Thường những ngày khác, Đạo An khen rằng: Khiến dòng Đạo tỏa Đông Đô là do Tuệ Viễn này. Về sau Tuệ Viễn đức lớn đã rõ bày, tiếng thơm tỏa khắp, nước ngoài đều tôn xưng đất Hán có đạo sĩ Đại thừa, từng hưởng về Lô Sơn phương Đông, đốt hương cúi đầu từ xa Chí thành cung kính, khi La-thập vào Quang Trung, Tuệ Viễn gửi thư thăm hỏi. La-thập đáp thư chương cuối nói: Kinh chép: Sau đời Mạt ở phương Đông có Bồ-tát Hộ Pháp, cố gắng thay nhân giả khéo mở mang sự nghiệp đó, ân trọngkham qua kinh châu đến núi, cùng Tuệ Viễn qua khe phía bắc, bàn nói về Dịch, cảnh đời chẳng nhọc, Lô Tuần lúc đầu cát cứ tại Giang Châu, vì cha Phúc đồng làm làm thư sinh, khuyên vậy dốc cự có người can ngăn rằng: Lô Tuần làm quan nhà nước, cùng đó thân hậu được chẳng nghi ư? Tuệ Viễn bảo: Trong Phật pháp ta không có tâm lấy bỏ, há chẳng phải chỗ người hiểu biết xét xem, đến lúc Tống Võ khảo xét Lô Tuần, mọi người nói Viễn Công vốn dốc lòng giao du với Lô Tuần. Dụ nói: Viễn Công là người của Thế Biểu, tâm không đây kia, bèn mang thư đến và gybỉ tặng tiền gạo, Tuệ Viễn giảng Tang Phục Ký, Tông Lô đồng thời cầm quyển (Tông Bính Lô Thứ Tông) về sau Thứ Lô soạn thuật nghĩa sơ, mới đầu xưng là họ Lô, Tông Bính giễu cợt bảo rằng: Xưa cùng chung túc hạ nơi Hòa-thượng Thích tận mặt thọ nghĩa này, nay bèn ghi đầu quyển xưng là họ Lô ư? Tuệ Trì thân cao tám thước, thường mang guốc, mặc áo nạp ngắn nửa ống chân, sắp đến đất Thục, người anh ngăn cản rằng: Người đời muốn đoàn tụ, riêng

người ưa xa lìa là thế nào? Tuệ Trì đáp: Nếu vương kết tình ái nhóm tụ gốc thì chẳng nên xuất gia, nay đã cắt dục hưởng tâm về đạo, phải lấy phương Tây làm kỳ hẹn, có bạn đồng học là Tuệ Vĩnh lên trên đỉnh Tây Lâm lập một phòng thất riêng muốn tham thiền, liền đến ở đó, thường có một con hổ ở chỗ thất, khách đến thì xua nó đi, một hôm gặp Hà Vô Kỵ ở Hồ Khê. Tuệ Viễn theo đồ chúng hơn trăm vị trang nghiêm mà chỉnh túc, riêng Tuệ Viễn mặc áo nạp mạng giày cỏ cầm gậy bưng bát từ dưới gốc thông an nhiên bước đến. Bấy giờ ngọn gió mát rải phần nhiều từ Tuệ Viễn, môn nhân ở đó có đức hạnh là từ Đạo tổ, Tăng thiên, Đạo Lưu là các vị giàu có tài tư, Tuệ Viễn từng bảo với Đạo Tổ, v.v... rằng: Phạm dễ ngộ hết như các ông thì tôi không còn phải buồn lo với hậu sinh (Khổng Tử nói: Nghe nghĩa chẳng thể đời là sự lo ngại của tôi) sau đó Tăng thiên, Đạo Lưu qua đời. Tuệ Viễn nói: Các vị này đều là bậc tài nghĩa, anh mậu, thanh ngộ, ngày một đổi mới mà khiến họ đi xa như vậy, một bề đau xót! Có Tuệ Yếu lo trong núi không khắc lậu, mới đến trên nước dựng hoa sen mười hai cánh, nhân sóng chuyển mà định mười hai thời, lường cánh không sai (lại thường chim oanh vỗ bằng gỗ khiến bay vài trăm bước, có Trương Sơn Nhân, vào niên hiệu Quảng Chánh đến trước điện Thục Chủ dựng lầu Hồn Nghi, rót thủy ngân vào đó, sai người gõ nắm tấm bằng hai thời, tùy thủy ngân chuyển đổi điện mà báo thời, khắc bóng chẳng sai, Trương Sơn Nhân tên là Tư Huấn, vốn người Toại Xuyên, sau vào kinh, hệ Tự Thiên Giám) có Tăng Triệt khéo giỏi ghi viết thường đến Sơn Nam vin cây thông mà thổi (phía nam Lô Sơn) khi ấy gió hòa xa đến, chim muông kêu buồn, siêu nhiên có thảng khí, trở về đem hỏi Tuệ Viễn: Luật cấm đàn sáo ca múa, vậy một ngâm một thổi có được làm chăng? Tuệ Viễn đáp: Vì loạn ý ngôn nêu đều trái pháp. Tăng Triệt nghe vậy bèn thôi, có Cô-ni Đạo Nghi, thấy ở Cao-ni truyện (Ni truyện bốn quyển) bàn nghị là cho rằng học trò của Phật-đồ-trường có Dự Chương Kỹ Tử (tức là An Công), học trò của Đạo An có Côn Lam Tông Bích (Tông Bích mỹ vương ra ở Côn Sơn, Lam Điền là Viễn Công) học trò của La-thập có Hồ Liên Phủ quĩ (tức Đạo sinh Tăng Triệu v.v..., Ân Hồ, Hạ Liên, Chu Phủ Quĩ) học trò của Tuệ Viễn có Tê Tượng Xỉ Cách (tức Đạo Tổ, v.v... là ngà voi, da tê), học trò của Tuệ Quang có Khổng Thúy Vũ Mao (Tuệ Quang là Thùy Dương, người ở Định Châu, nương Phật-đà mà xuất gia, tuần dị lãng ngộ tập học các kinh bèn vì người nói, sư vì xuất gia càng thêm dính tuấn, người đời bấy giờ gọi là thánh Sa-di, rất công kích Luật bộ, tạo số chú kinh rất nhiều, học trò theo học đông như rừng, nhập thất có chín vị, trong đó

Đạo Huy là đứng đầu, nho sinh phùng duyên) học trò của Huyền Tráng như trăm Đàn Lan tuệ (Khuy Cơ, tự là Hồng Đạo, soạn trăm bản số) cách thánh càng xa, đạo đức càng thấp, nghệ hành mỹ (đẹp)) (ở đời Tấn Tống, phần nhiều tu thiên Quán, người đắc đạo nhiều, thời Tùy Đường đã xuống, người tuệ học nhiều, nghệ giải mỹ. Đắc Đạo ít), chẳng phải cá của suối sắp cạn, mất chỗ sông hồ tại nhiều sủi bọt đó ư? (ruồng bỏ giáo mà nương miên man, tùy Tuệ giải dùng bạc bẽo). Người Tống người Ngụy, Nam bắc hai đô (Tống dòng họ Lưu đóng đô ở Giang Nam. Ngụy dòng họ Nguyên đóng đô ở Lạc Ấp) Tống phong còn Hoa, Ngụy phong còn thuần. Thuần thì ít mà y cứ đạo, hoa thì nhiều mà đạo ở nghệ (Cao Tăng thời Tấn Tống nghệ giải tỏa sáng một thời, mở mang giáo pháp, nên gọi là Hoa. Cao tăng thời Nguyên Ngụy, dùng thiên quán hạnh nghiệp y cứ đạo nên gọi là thuần, nhưng tại người mà chẳng tại gì khác) làm sao biết quán ư? Bắc thì cành lá sinh ở đức giáo, Nam thì cành lá sinh ở loạn hành. Xưa kia Tạng Thị tể Tất Điều thị, dùng Đại Thái Phồn phân biệt biết sự hơn kém của Tạng Thị (Tạng Thị là Lỗ Đại Phu, Tất Điều khai là Lỗ Hiền Nhân, tể là Gia tể, đời Tạng Thị chưa nhóm rùa của Đại Thái, văn trọng Hiền ba năm một mười, Võ Trọng hai năm một bói, trở xuống một năm một bói. Giản là ít, phồn là nhiều, biết ưu thắng yếu kém) nay thì riêng chẳng như đối với bằng ở tượng (Hê là sao, Tạng Thị dùng tượng của Thái Quy mà biết hơn kém, sao chẳng dùng thuần hoa mà biết sư huấn) nhà của văn chương, Khuất Tống Dương mã thay nhau noi theo (Khuất Bình, Tống Ngọc, Dương Tử Vân, Mã Trường Hương đều là những bậc sĩ biên soạn văn chương) tuy muốn nhanh chóng mà khó đều chân, nên đạo đức ngôn hành xưa nay khác đời, quyết như Pha-đà (dáng vẻ chẳng đều) xâm vi vậy (dáng thứ lớp), đẽo đá lạ thành vật dụng đẹp là khả năng của thợ giỏi. Dụng gỗ quý làm nhà rộng là do Triết tượng (thợ khéo). Dùng thanh đức trao truyền chuyên môn là dạy răn của nhân sư. Nên chim có thể chọn cây, cá có thể chọn suối. Bê tôi có thể chọn vua, đệ tử có thể chọn thầy, phàm năng làm tôi, mà cầu năng làm vua, chẳng năng làm con mà cầu năng làm cha, chẳng năng làm đệ tử mà cầu năng làm thầy, đó là khó vậy (do mình lường việc có thể) nên làm người ở tha thứ mình. Nhưng cha con thiên thuộc. Đó có chẳng tượng (đạo cha con là thiên tánh, như Võ... chẳng tượng) vua tôi quốc thể, nên có tượng chẳng tượng, Nguyên khải của bạc bẽo làm tượng, bốn hủy làm chẳng tượng) thầy trò nghĩa hội, đâu được có chẳng tượng ấy ư? Như Thuấn Sinh Quân (Thánh Sinh Võ Vương cũng thánh là tượng của cha con) Đình Kiên làm tôi nhà ngu, Phi

Liêm làm tôi nhà Trụ, Hoan Đâu là nhà tôi nhà Nghiêu, Long Phùng làm tôi nhà Kiệt, vua tôi tượng chưởng tượng (Đình Kiên là Cao Đào cùng Ngu Thuấn làm tượng, Phi Liêm cùng Trụ làm tượng. Hoan Đâu cùng Nghiêu, Long Phùng cùng Kiệt là vua tôi chưởng tượng.) học trò của Trọng Ni, nhan mẫn chuộng nhân nghĩa. Học trò của Quỷ Cốc, Tô Trương chuộng ở đối trá là khắc tượng. (Tô Tần, Trương Nghi đều bắt chước Quỷ Cốc Tử, học thuật của Tung Hoàn giáp hạp) nên học trò của Trọng Ni, đồng tử tam xích còn hổ thẹn nói Bá, xưa kia Thích Công đạo hành đến Quan Hữu, Lô Sơn hóa khắp ở Giang Tả, Pháp Thái lương trực ở đời Tấn (Pháp Thái và Đạo An đồng hàng, Đạo An đến Tương Dương. Hoàn Ôn đón rước, thân cao tám thước, phong thứ khả quan, cùng Pháp sư Đạo Hằng luận nghị mà phá đó, xây chùa Ngõa Quan, Vương Tuân, Tạ An thường lễ kính) Đạo Sinh quả đoán ở thời Tống (nghĩa là quyết định nói tất cả chúng sinh đều được thành Phật ở đời Tống). Phạm tượng nào mà trải xem qua trước, ai năng chưởng do nhà của đạo đức mà đến danh lớn ư? (Dương Hùng nói: Thầy là mô phạm của người chưởng mô (khuôn) chưởng phạm (phép) thì chưởng thể tôn làm thầy) Lễ nói: Khéo ca khiến người kế tiếp tiếng đó, khéo dạy là khiến người kế tiếp chỉ đó, nên chưởng thể kế tiếp bậc thánh dòng họ Thích mà có thể kế tiếp quân tử của dòng họ Thích, sao chưởng do đạo của thầy ư? Phạm từ Phật-đồ-trường đến Đạo An, từ Đạo An đến Tuệ Viễn, từ Tuệ Viễn đến Đàm Thuận, Từ Đàm Thuận đến Tăng Tuệ, suốt năm đời, giá trọng Đế Vương, gió động bốn phương, sự nêu sử sách (thư nói: Bốn phương gió động chỉ đây mới dừng) đó hoặc lập đức (nghĩa là Hành giả của thiên quán) lập công (tức phiên dịch lưu truyền) lập ngôn (giảng nói soạn thuật) làm người của thiên hạ, Tăng Hội Chi Độn làm người của thiên hạ mà một Hội một Độn, sau đó miệt văn, nhưng có chí ở nhiều đời là, hoặc màu xanh có ra từ mẫu Lam, hoặc băng có ra từ nước, chỉ là hiền của một phương, chưa quả quyết làm hiền của thiên hạ. Nên làm đệ tử là do ngại thầy chưởng được như Đạo An, Tuệ Viễn. Làm thầy cũng lo ngại đệ tử chưởng đến như Đạo An Tuệ Viễn, phạm chuông trống ở trong cung, tiếng vang ra ngoài, Huyền Tượng ở trên trời mà ánh sáng xuống dưới, cầm sắt tại ngự, tri âm khó muộn, băng tuyết mang chở để vết sao ẩn (trên đây dụ cho việc tốt ẩn ở trong, Quang Hoa bày ở ngoài, hẩn có vết tích). Như kia đức hạnh cầm nắm, nói nín tin thời (đã chứa đức hạnh chưởng nói, mà người tự tin, như đào lý tự có hàng lối) Tuy bờ cao đã thành hốc, Thông Bách đã khô mà Hoa huy chưởng xấu, Dương Dương thay! Đây vậy thay! (Dương Dương là khen đẹp) năm của Tào

Mã (thời Ngụy Tấn) kinh luận quyền dư, nguồn nguồn dòng lẫn lộn (giáo pháp mới đầu truyền đến như nước đục lẫn lộn chảy tràn chưa rộng) người tuyên xưng chỉ bao gồm đại nghĩa, thưởng vị Huyền Chỉ, đến chỗ mổ xẻ danh tướng, không có du cứ (võng là không du là chỗ, giáo văn thiếu nhiều) há chẳng phải chỗ làm thanh giáo chưa hoàn bị hay sao? An Công lúc đầu thấy dịch các Tiểu luận, hớn hở vui mừng, cho rằng may thấy hoàn toàn ba tạng, mà chưa biết chỉ là thương minh quyển quái (quyển quái là bờ ruộng, câu từ là dụ cho chỗ thấy đó. Thương minh là du cho chỗ chưa thấy) tuy bậc thượng sĩ mượn giải thích để ngộ chỉ, mà bên trong thì thật chưa nhiều. Thời Bắc Lương, Phù-đà-bạt-ma dịch A-tỳ-Đàm Tỳ-bà-sa (Hán dịch là Giác Khải, người Tây quốc, Mậu xứ con của Mông Tốn thỉnh dịch tại Cô Tang một trăm quyển) học giả trút sáng tràn lan đó như không bờ ven. Thời hậu Tần Phật-đà-da-xá rất giỏi Đại Tỳ-bà-sa, thời bấy giờ gọi là Xích Tư, (Hán dịch là Giác minh, người nước Kế-tân chủng tộc Bà-la-môn. Năm mười ba tuổi theo thầy mỗi ngày tụng ba mươi ngàn từ, tụng kinh Đại Tiểu thừa mấy trăm vạn, tánh tình đơn giản v.v... chẳng phải chỗ chừa tăng gặp, La-thập đến Sa-lặc rất tỏ vẻ trọng hậu, từ Quy-tư đến Trường An, dịch kinh Thập Trụ, Đại Tỳ-bà-sa, v.v... Điều sáng nghi chỗ tụng đó, khiến tụng ở Khương tịch được phương có năm mươi ngàn từ, hai ngày tụng, sau đó đáp lại chẳng nhằm một chữ) Tỳ-ma-la-xoa giỏi về Thập tụng, bấy giờ gọi là Thanh Nhân (Hán dịch là Vô Cấu Nhân, người nước Kế-tân, khổ tiết luật tạng, cùng gặp La-thập, La-thập kinh lễ tôn là thầy, dịch luật Thập Tụng thành sáu mươi quyển, thị tịch tại chùa Thạch Giản ở Thọ Xuân. Bấy giờ, gọi là Thanh Nhân Luật sư) thời Đàm Thỉ Túc Ngụy, ở thời đó gọi là Bạch Túc A-luyện-nhã (Đàm Thỉ đi chân chẳng giẫm đất, Luyện-nhã tức là Tăng, vô tránh là nghĩa tịch tĩnh) Da-xá lúc ở Sa-lặc làm thầy La-thập, sau đến Cô Tang. Nghe La-thập bị Tần làm ô giới bảo rằng: La-thập như tấm lụa đẹp, làm sao có thể để cho vào trong rừng gai nhọn ư? (Điều Hưng có bảo La-thập rằng: Đại sư thông minh siêu ngộ, trong thiên hạ chẳng có người thứ hai, một mai qua đời sau, làm sao có thể để cho pháp chúng không được nối dõi? Bên dùng mười người kỹ nữ ép bức khiến cho nhận chịu. Từ đó trở đi chẳng ở tăng phòng, sống riêng nơi mái chùa, mỗi lúc đến giảng nói, trước thường thí dụ như trong bùn dơ mọc hoa sen, chỉ nên hái sen chỗ lấy bùn dơ) La-thập nói với Tần chủ rằng: Hề muốn giảng nói giải thích giáo pháp vô thượng nên khiến văn nghĩa lý thú viên thông. Bản đạo tuy là diệt tụng văn đó mà chưa hiểu rành lý đó, chỉ có Da-xá là người đạt sâu

kinh giáo, hiện ở tại Cô Tang, xin ban chiếu thỉnh, nói một rõ ba, sau đó ghi chép khiến lời huyền chẳng rơi lạc, lấy làm tin tưởng ngàn năm. Diêu Hưng bèn thỉnh Da-xá, Da-xá cười bảo: Minh chỉ đã ban, liền nên ghi chép, Đàn Việt đái sĩ đã hậu, thoát như La-thập hiện xứ thì chưa dám vâng mạng, Diêu Hưng ngợi khen sự cẩn trọng đó, lại ban sắc chiếu giáo dụ, cho đến buồn thay Tấn giết Đậu Độc. Trọng Ni chẳng qua sông (Khổng Tử từ nước Vệ sắp đến Tấn, tới sông, nghe Triệu Giản Tử giết Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa, bèn đến bên sông mà than rằng: Đẹp thay nước mênh mông thay! Phàm Khâu ta chẳng qua mạng này. Tử Cống hỏi tại sao, đáp là Đậu Độc Thuấn Hoa, giản tử chưa đắc chí phải đến hiền đại phu của Tấn Triệu. Nay giản tử giết chết, mổ thai, đốt rừng thì kỳ lân chẳng đến, úp tổ phá trứng thì phụng hoàng chẳng liệng v.v... bèn xoay xe trở lại chẳng qua) Tần độc hại La-thập, Da-xá khước từ mà chẳng vào nước. Há chẳng phải hại một hiền mà các hiền chẳng ký (ký là đến) vui đùa một đức mà các đức sắp lia ư? Đầu niên hiệu Hoàng thỉ đời Ngụy Đồng Thọ dịch Tam Luận (Trung Bách, Trung Quán, Thập Nhị Môn) người mền chuộng Không môn tìm đến tập nập, sau dịch Thành Thật, người giỏi về Pháp tướng lại nhóm họp đông nhiều. Thời đó lấy làm cứu sống danh số, chẳng gì hơn luận này. Mới đầu La-thập bảo Tăng Duệ giảng, Duệ nói rằng: Trong tranh luận này có bảy xứ phá tông A-tỳ-đàm mà tại ngôn ngữ nhỏ ẩn, nếu chẳng hỏi mà hiểu thì đáng gọi là anh tài, Tăng Duệ mở bày sâu mầu quả thật chẳng hỏi La-thập. La-thập khen rằng: Tôi truyền dịch kinh luận được gặp ông, không hề tiếc gì (Tăng Duệ người xứ Trường Lạc, Ngụy Quận nương pháp sư Tăng Hiền làm độc tử khiêm hư không mẫn, giúp La-thập dịch kinh, khó nhiếp oai nghi, hoàng tán kinh pháp, thường hồi hướng hạnh nghiệp ấy nguyện sinh về An Dưỡng, ngôi chẳng xoay về lưng phía Tây, lúc sắp chết tắm gội đốt hương xoay về hướng Tây chấp tay an nhiên mà tịch) hoặc gọi là học trò của La-thập có bốn vị thánh là Đạo sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ là thượng thủ, tinh nan thì Tuệ Quán, Tăng Triệu bậc nhất, hoặc gọi là mười triết thì thêm Đạo Hằng, Đạo tiêu (Đạo sinh, Tăng Triệu, Đạo dung, Tăng Duệ, Đàm ảnh, Tuệ nghiêm, Tuệ quán, bản truyện không ghi danh, Bằng là có Đạo bằng ở Nam Tề, chẳng phải học trò của La-thập, có Tăng khế rất tuần tú, sợ là nhầm chữ) mà Đạo Hằng, Đạo Tiêu xếp vào tám vị, còn phụ giúp tài của Lượng (Đạo Hằng, người ở Kinh Triệu, chín tuổi xuất gia, ẩn sĩ Trương Trung khen rằng: Đứa trẻ này có tướng vượt hơn người, ở tục thì có công lao phụ chính, xuất gia thì có đức của sáng hiển, tôn thờ

mẹ kế rất hiếu thuận, rộng thông minh thư, giúp La-thập dịch kinh, Đạo Tiêu cũng nhả có tài lực, đều có công trợ giúp) có thể ở Vương Tá, Diêu Hưng chuyên việc kinh luận, dùng địa vị của Nham Lang vàng tía cường ép hai hiền, tuy bức Bá oai mà rốt cuộc chẳng làm bề tôi. Người chuyên việc hiền vinh lấy chiếu cỏ ăn trữ làm bay chạy (Dụ như chim thú chẳng thể cùng đàn) người mến vị hư huyền lấy áo ăn thóc làm gông cùm (như hy sinh của vào triều) mà Y Duẩn Lã Vọng cầu làm bề tôi (Y Duẩn tướng nhà Thang, Lã Vọng là Thái Công, bề tôi của Võ Vương) Biện tùy chuyên việc tỏ sáng đều là nhường chủ (Nghieu Thiên vị mà chẳng nhận) há chẳng mỗi mỗi trái phản tốt xấu, khác vinh khổ! Như Đạo Hằng, Đạo Tiêu mà còn lấy hình hài nghịch lữ, đầu đoái hoài danh khí. Vì vậy tiếp gặp của gió mây, cắt ái của quân thân, nổi trôi ngũ hồ mà chẳng làm khó (Phạm Lãi từ Việt Vương Câu Tiễn cưỡi thuyền con mà trôi nổi Ngũ Hồ, vua dùng vàng đúc vôi gọi mà chẳng trở lại) Nhảy qua biển xanh mà chẳng là xa (Lỗ Liêm nói là: Thà chìm dưới biển xanh mà chết, chẳng tôn thờ chủ vô đạo) kia cứ khư khư, Tần chỗ nào mà đạt đến ư? Khiến thời Đường, Ngu Nguyên Khải tương xỉ (Bát Nguyên Bát Khải là tôi hiền của Nghiêu, Tương Xỷ là bằng tuổi) mới đầu của Ân Chu cùng Y Duẩn bằng chân. Còn lo mất đó, hướng chi thời nay tước lộc làm sao gọi là trọng ư? (thời bấy giờ gọi là Thiên Bá Ngụy Tần). Xưa kia, Chi Lâm Tuệ Viễn là tiếng tăm trọng vọng, thường mắc nạn này (bị ép của vua tôi) mà khua bỏ như bụi nhẹ, phải dứt như Hủ Triền (Hủ Triền là tơ mục) chẳng lấy làm khó. Nên Sào Do có thể làm tôi hoàng, chẳng phải sức vua có thể khởi được. Di Thúc có thể làm tôi đế, chẳng phải chỗ năng lực của vương dấy được. Ý lý có thể làm tôi của vương chẳng phải chỗ lực của Bá Năng dấy động được (Tĩnh Dân thì pháp gọi là hoang, nghĩa là chủ của Viêm Hạo, Đức tượng trời đất gọi là Đế, đó là Nghiêu Đế, chỗ nhân nghĩa đến được gọi là Vương, như Ân Chu nhà Hạ. Tần Hán đều gọi là Bá. Phàm ở ngoài tục mà là trong tục, chỗ khởi cũng chẳng khó. Tống Văn Đế có thuật nghĩa đốn ngộ của Sinh Công, chư tăng cật nạn, đế cầm phát Trần gõ vào ghế bảo: Nếu khiến người chết có thể dậy, đâu là chỗ các ông khuất phục (Trúc Đạo Sinh, người xứ Cự Lộc, từ thuở bé đã thông minh, thấu suốt như thần, toàn ngưỡng các kinh, châm chước tạp luận, ở chùa Thanh Viên, mới đầu thấy kinh Nê-hoàn là nói về nghĩa đốn ngộ thành Phật, lộng nan thuyết cũ, bấy giờ cho là tà thuyết bị đuổi chuyển đến Lô Sơn, về sau phân kinh đến, quả nhiên nói Xiển-đề đều có Phật tánh, mới lên tòa luận nghĩa mấy phen, Trần Vĩ rồi ren mà rơi rớt, ần ần mới tịch, nói nhẩn chết đợi kinh,

nên Tống Văn lại nêu lên) trước thuật lý thức luận của Nham Điền, Đế nhờ Tuệ Nghiêm giải thích đồng khác, qua lại suốt ngày. Đế cười bảo: Các ông, v.v... ngày nay không thẹn bàn nói của Chi Hứa. Chi Độn tài chương mâu dật, được phong của Tăng Hội, Tăng Triệu bút vót xa lạ, lại được phong của Chi Lâm, môn đồ của Đạo An, Tuệ Viễn, Đạo Sinh, Tăng Tuệ đều chuyên tốt đẹp, từ đó về sau, chư Tăng ít có ai tiếp nối âm huy. Đến sau thời Tề Lương, ở đời còn dính dáng quanh co, từ thuyết thể yếu, đến nỗi khiến cầu nhã ngôn lập ý đó từng chẳng kịp châm luận ở thời Hán Ngụy (như tục Ngu Châm của Dương Tử Vân) mà so với kinh Tịch của bậc thánh ư? Nên Huyền Tượng, Nhạc Độc chẳng lấy gian hoa làm văn chương của trời đất, lấy công năng giếng mỗi chỗ che làm văn chương (Huyền Tượng là kinh thiên, Nhạc Vạn là đề địa). Nhân văn sao chẳng vậy ư? Từng đọc Bàn Minh của Ân nói: Giả sử ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới. Lời Viếng Khổng Khâu rằng: Hạo Thiên chẳng thà để lại lão già, chẳng cùng vị con. Than ôi! Buồn thay! (Khổng Khâu chết, Lỗ Ai Công đến Viếng đó nói: Hạo Thiên chẳng điếu chẳng thà để lại một lão khiến che chở tôi một người, để tại vị coi cút tôi tại đầu lòng, than ôi, buồn thay! Ni phụ không tự văn luật, tại Tả Truyện ba mươi, cùng nay khác chút ít) Văn này là trời sắp lấp lâu, chẳng có thanh đức đại nghiệp. Như vậy, ai có khả năng dấy khởi đó (Trọng Ni vì trời rộng lắm tài nên ai viếng đó) Tăng Triệu trước thuật luận Bát-nhã vô tri (Tăng Triệu người xứ Kinh Triệu, nhà nghèo nên làm nghề viết mượn, nhân được trải qua xem đọc kinh sử, giỏi về Trang lão, sau gặp được kinh Duy-ma bản cổ ,v.v... mới biết chỗ về, La-thập đến thì theo Ngài phiên dịch, soạn thuật bốn bộ luận như: Bát Thiên, v.v... thị tịch vào niên hiệu nghĩa hy thứ mười tại Trường An, thọ ba mươi mốt tuổi) Lưu Di Dân thấy vậy than rằng: Chẳng hay phương bào lại có bình thức. Đạo Dung giảng kinh Pháp Hoa, bản tân dịch, mở thành chín vết, hiệu là Cửu Triệt Pháp Sư. La-thập bảo: Sự hưng thịnh của Phật pháp là do Đạo Dung. (Đạo Dung người ở Lâm Lự, quận cấp. Được thầy mến thương sự thông minh đó, trước bảo theo học ngoài, khiến vào trong rừng, mượn luận Ngữ đọc xem mà chẳng hề mang về, khi kia đã tụng, thầy cầm bản khảo lại chẳng sót một chữ. Đến tuổi ba mươi, tài giải suốt rành, nghe La-thập đến bèn sang học hỏi. La-thập thấy vậy lấy làm lạ, về sau tịch tại Bành Thành, thọ bảy mươi bốn tuổi) La-thập dịch Trung luận mới hai quyển. Đạo Dung lại mở xẻ, dự suốt đầu cuối. Bấy giờ, tại nước Sư Tử có vị Ba-la-môn, cười lạc đà chở sách đến, xin thử sách hơn kém, nếu hơn thì thực hành, người Tần trông thấy

mất miệng đó bèn lánh, sắp đổi quán ta (có tâm xoay kính đó) La-thập bảo Đạo Dung: Ngoại đạo này thông minh khác người, đấu lời sẽ thắng, há có thể khiến Đại Đạo vô thượng tại chúng ta mà bị kia khuất nhục, như sự thấy biết của tôi, thì chỉ có mình ông. Đạo Dung tự xem xét tài lực có thể tể (Tể là thành) chỉ lo sách vở ngoại đạo chưa mở đọc hết, mới kính ghi chép danh mục, xem qua một lượt mà đã tụng, thuộc định ngày chỉnh sửa, đổi chất tại sân vua, ngoại đạo kia tự cậy biết rộng, thêm ý công kích Đạo Dung, Đạo Dung nêu ra chỗ biết mà tránh chỗ chưa biết, kia vội ôm lấy tụng nhiều, mà Đạo Dung nêu lên chỗ tụng và các sách ở chư hạ, biên danh mục rất rộng, chỗ đó tụng Phạm Chí Kiểng mà tứ (tứ là buông lung, kiểng là xin tình buông thả) La-thập tể từ mà giễu cợt, kia vội vượt mà mất (tể là thêm, nói trốn) xưa kia, phù sư đánh Tấn, đại sự sắp đi, Tạ An biết Huyền mà nêu đó, bèn đạt huân tập lớn, thiên hạ phục soi xét xa đó, mà La-thập biết Đạo Dung, sao chẳng đồng như Tạ An ư? Nên chất vấn hưng phế đó đồng ở một việc (chất là hình đối, vì La-thập cử Đạo Dung có thể đối Tạ An cử Huyền) Đạo Dung tánh chẳng lớn tuyên, thường lên lầu mở vui, Tăng Duệ mới đầu làm đệ tử Tăng Hiền, Tăng Hiền có bạn là Tăng Lãng giảng kinh Phóng Quang, gặp Tăng Duệ dèm pha cật nạn, Tăng Lãng nói với Tăng Hiền: Vừa rồi Tăng Duy cách nạn, tôi suy nghĩ rất nhiều mà chẳng thể thông, có thể gọi là đệ tử Hiền Hiền. Tăng Duệ người quận Ngụy, Tần chủ hỏi Diêu Tung rằng: Duệ Công thế nào? Đáp: Thông Bách ở đất nghiệp đất vệ, Diêu Hưng mời đến gặp rất vui ban thưởng, lại cấp xe cộ, sau bảo với Diêu Tung rằng: Đây là tiêu lãnh của bốn biển, đâu chỉ có sao riêng thông bách của đất nghiệp đất vệ ư. Tăng Duệ bình sinh vốn chẳng xoay lưng về hướng Tây (do nguyên sinh về phương Tây). Đàm ảnh mới đầu theo La-thập nói với Diêu chủ rằng: Hôn qua thấy Cảnh Công, cũng là Tăng Phong lưu tiêu vọng ở nước này. Đời Tống có Tăng Đạo (người ở Kinh Triệu, mười tuổi xuất gia, về sau soạn Thành Thật Luận Số, xây chùa Quang Sơn ở Thọ Xuân. Hiếu Võ ban chiếu mới đến kinh đô. Xe loan giáng tất. Tăng đạo vì mới đầu của Hiếu Kiến Tam Cương lại bắt đầu buồn chẳng thể chịu nổi (niên hiệu Nguyên gia thứ ba mươi, Thái Tử Thiệu giết Văn Đế mà tự lập, mới ba tháng bị Võ Lăng Vương Tuấn cùng các vua giết chết, liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Võ, hiệu là Hiếu Võ Hoàng Đế), Đế cũng ngậm ngùi, ban sắc khai giảng, Đế và Công Khanh nhóm hội, Tăng Đạo nói: Xưa kia thác sinh ở cung vua, song lâm thị tịch, từ đó đến nay năm tháng lâu dài, nguồn thuận dứt hẳn, Phong bạc chẳng đuổi, cấp vườn, đổi gò, vườn nai hoang uế, chín

mười lăm loại (loại ngoại đạo, có chỗ nói là chín mươi sáu) lấy hương xuống làm lên cao, các loài trong ba cõi lấy nhà lửa làm cõi tịnh (kinh Pháp Hoa chép: Ba cõi chẳng an, giống như nhà lửa) đâu biết bậc thượng thánh đồ lệ, đại sĩ xót thương, nhân thì nước mắt mũi, bốn chúng vì đó mà đổi sắc mặt (ngài Tăng đạo thị tịch tại chùa Thạch Giản, Thọ Xuân, thọ chín mươi sáu tuổi). Bây giờ, tại chùa Thạch Giản, có vị tăng cũng là bậc Danh tượng ở đời, có người hỏi so với Tăng Đạo thì ai hơn, vị Tăng đáp: Tôi cùng Tăng Đạo đồng học với ngài La-thập, phương khổng môn tặc, Tăng Đạo vào thất, tôi lên giảng đường, Đạo Du Thuật nghĩa đốn ngộ, Hiếu Võ nói: Sinh Công tình đơn dứt chiếu, Du Công dây thẳng riêng cao, có thể là khắc sáng sư tượng, không thẹn vì chỉ (Đạo Du người đất Ngô, đệ tử của Sinh Công, Sư nói sau khi thấy kinh Thắng-nam, mở sách than rằng: Tiên sư nghĩa trước cùng kinh này thần hợp, nhân chú giải đó năm quyển, về sau Hiếu Võ ban chiếu giảng nghĩa đốn ngộ, những người tranh biện nghe tấu đua nhau nổi dậy, Đạo Du đều phá, Đế bèn vỗ ghế ngợi khen). Đời Tấn có anh em Tuệ Viễn, Tuệ Trì, đời Tống có pháp Ái, pháp Viện, viễn trì, pháp Ái làm quốc sư nhuế, được bổng lộc ba ngàn hộ. pháp viện thì vua Văn Đế khiến thuật nghĩa đốn ngộ của Sinh Công. Hà Thượng Chi nghe bèn thán rằng: Thường cho rằng sau khi Sinh Công thị tịch vì ngôn dứt hẳn, ngày nay lại nghe lời bàn của tượng ngoại, có thể gọi là trời đây chưa mất văn này! Tăng Viễn ẩn trên chùa Định Lâm. Thượng Tê Thái Tổ đi kiệu loạn đến, cửa Tăng Viễn hẹp, kiệu chẳng vào được, Bởi Thái Tổ muốn ra mắt Tăng Viễn, Tăng Viễn viện cố già chân chẳng bước xuống giường, Thái Tổ sai người thăm hỏi, đang nằm ngồi dậy mà đi. Văn tuệ Thái Tử Cảnh Lăng Vương (Tiêu Tử Lương) tôn làm sư phạm, Hà mặc chu ngung, Ngô bào Trương dung bắm giới thọ đạo. Xưa kia, Sa-môn xưng bản đạo với Đế vương, Pháp Hiến, Huyền Sướng thời Nam Tê đều làm Tăng Chánh, Võ Đế cùng bàn nói, đều gọi là chẳng ngồi (bất tọa) sau Tăng Chung xưng là bản đạo Đế chê trách rồi hỏi Vương Kiệm rằng: Sa-môn tiền bối đối với Đế Vương xưng thế nào, tại chánh điện có ngồi đực chẳng? Vương Kiệm đáp: Vào thời Hán Ngụy, Phật pháp chưa hưng thịnh, chẳng có ký truyện, từ thời Ngụy quốc xưng là bản đạo cũng dự ngồi, mãi đến đầu đời Tấn cũng vậy. Trong đời có Sư Bạng, Hoàn Huyền, v.v... đều muốn Sa-môn phải kính trọng, bàn luận giữa triều lãng xăng, mọi sự đều dứt nghĩ. Trong triều nhà Tống cũng phải rất kính lễ, nhưng sau đó thấy chẳng thi hành, từ đó mãi đến nay phần nhiều dự ngồi xưng là bản đạo, Đế bảo: Hai vị pháp Hiến, Huyền Sướng đạo

nghiệp như thế, còn tự xưng danh, hướng chi các vị khác lễ bái rất đáng, xưng danh cũng không ngại, từ đó về sau xưng danh là bắt đầu từ Pháp hiến, Huyền Sướng, ở đời Lương có Bảo Lương tánh rất thẳng thắn mỗi lúc đối diện Võ Đế, xưng là bản đạo thượng, tuy có lúc vậy mà rút lui thần chí đó, Bảo Lương người ở Thanh Châu, mới đầu đến kinh đô, Viên Xán lấy làm lạ hỏi: Châu sinh hợp phủ, người Ngụy lấy làm chiếu thừa. Bích ở Hàm Đan, người đời Tần xin là Hoa quốc. Báu của thiên hạ phải cho thiên hạ cùng chung, chẳng phải là chỗ của thượng nhân Quý Châu nên chuyên, Tăng Mân bảy tuổi xuất gia ở Hồ Châu, hoặc có người hỏi: Sa-di họ gì, nhà ở xứ nào? Đáp rằng: Bản đạo họ Thích, nhà ở núi này, Trương Dung Tạ Thiếu thuở trẻ rất thân hậu, Lục Thùy thường cùng khách đến chỗ Tăng Mân, Tăng Mân viện cố bệnh chẳng tiếp, Lục Thùy mừng rỡ bảo: Pháp sư chẳng đạo ở đời, đây thật là chỗ mong muốn của đệ tử! Tiêu Ngang ra trấn thủ Ngô Hưng (Quận Ngô Hưng là nhà Hán đặt, xưa là nước của họ Phong Phong, đến đời Tùy bỏ quận, đổi thành Hồ Châu, tức huyện Ô Trình) sắp đến bái yết Tăng Mân, Tăng Mân bảo: Tôi là người bệnh ở núi Châm, không việc được hai ngàn thạch quý. Xưa kia Đới Ngung ở tại Bắc Lĩnh, Tông Giang Hạ vương vào núi, Đới Ngung nằm cao nơi cửa sổ chú giải xuống chẳng gặp nhau. Nói tôi tuy đức mỏng xin phụ việc của Đới Công, khi Tiêu Ngung đến thì theo cửa sau mà trốn. Phàm người ruồng bỏ đời, lợi lộc liên can đó chẳng bằng, người muốn chuộng liên can lợi lộc đó chẳng bằng, Đã được lợi lộc quen lờn làm chí, đối với bậc Hiền tay mới giáng lễ, nếu vui mừng gặp đó mà không thường tâm đó, cuối cùng năng dùng quyền thế mà sai sử (đã có lợi lộc bằng đó thì thân quen mà lờn mạn, tuy có Hiền giả mà năng xuống lễ cùng tiếp, nhưng đạo của thầy gặp, tâm đó chẳng thường, thì cậy thế lực đó mà cứ ngạo cho đến rốt cùng, thì nay nhà sang quý đều như vậy) nhưng năng bệnh rốt cùng đó sai sử mà điềm lạnh đầu tiên đó gặp thì cao, thấy đó rành rẽ thì chẳng để lại mình đau xót (trông đầu mà biết cuối, thì khỏi đó tự để lại đau xót kia) Trí Tạng hầu thầy, do hiếu kính mà nổi tiếng, thầy bệnh bỏ ăn, Trí Tạng cũng bỏ ăn, đến lúc thầy uống, Trí Tạng mới uống, chỉ tánh thương ở Hứa Trực (bởi móc nêu lời riêng của người) mà dùng hành vi vẻ vang làm can lỗ nên chẳng đến nơi nguy ách, thường xả bỏ của cải mà đại sám, Tạ Cơ Khanh chỉ cành trúc móc áo, cười đó bảo: Còn lưu lại vật này là còn có ý ư? Trí Tạng bảo: Thân còn chưa diệt ý làm sao có thể hết, học trò của Đạo An là Pháp Ngộ, dẫn dắt bốn trăm đồ chúng, bấy giờ có một vị tăng uống rượu bỏ đốt hương ban đêm, Pháp Ngộ phạt mà

chẳng đuổi, Đạo An nghe vậy lấy ống buộc gậy gửi đến Pháp Ngộ, Pháp Ngộ nói: Đây là do người uống rượu, con dạy răn chẳng chuyên cần, xa để lại lo cho, mới nhóm họp đại chúng, bảo Duy-na đánh gậy đến ba, nhân do đó khóc lóc tự xấu hổ, thời nhà Ngụy, học trò của Đạo Biện có sư quên tên, cây của cải mà ngạo đời, Đạo Biện đánh mà đuổi đến Hoàng Long, vị đó không có ý hận, sớm tối hướng về Đạo Biện từ xa kính lễ. Đời Đường môn nhân của Trí Chánh là Trí Kiến, chỗ thầy biên soạn thì đứng hầu mà ghi chép nhiều năm, lúc đầu thầy chẳng bảo ngồi, vì đứng lâu nên bị té. Trí Chánh trách đó là: Cát chân bảy ngày chẳng phải nhọc, nay tâm ông khinh sao chẳng như vậy (Đức Thích-ca ở trong nhân địa bảy ngày giơ một chân, khen ngợi Đức Như lai ĐỂ-sa). Học trò của Bắc Viễn là Trí Vi mỗi lúc giảng nói phân tích pháp sâu mầu đều nói: Ý Đại pháp sư như thế, nhân thì tiếng lệ đều phát (Tuệ Viễn ở Lô Sơn họ Giả, người ở Nhạn Môn, gọi là Nam Viễn; Tuệ Viễn trụ chùa Hiệp Thạnh ở Đàm Châu, họ Lý, người xứ Đôn Hoàng, soạn Niết-bàn kinh sơ, gọi là Bắc Viễn) kính lễ nói: Phàm học Đạo, thầy nghiêm là khó, thầy nghiêm thì về sau đạo tôn quý, đạo tôn quý thì về sau dân biết kính học. Nhưng nhà lành con ở nhà nhà có răn dạy từ thầy, thầy có dạy bảo gì nên ghi nhớ, dốc hết chỗ kính mà hành kính, dốc hết chỗ tin mà hành tin, do đó Đấng Đại thánh đều bảo tộc họ con mà gắng gỏi (dáng mạo thấp hèn luật cấm xuất gia) chẳng phải dây chốt hủ cửa là làm được (nhà nghèo dùng dây buộc then chốt, lấy vò hủ là cửa sổ) buồn nay đệ tử ít có không nghe nói ở sư phạm là, kia dùng lễ sơ (xa) mà đến, ở đây lấy ân mỏng mà sang (đệ tử đã ở chỗ thầy xa, thầy sợ bèn trông lại đó ân mỏng nên chẳng ở mà đi), nhưng dẫn trâu đi tắt nơi ruộng mà đoạt trâu (vào thời Xuân Thu có dẫn trâu đi tắt nơi ruộng là tội, còn đoạt trâu thì tội rất nặng. Nay dụ cho ân mỏng của thầy đã chẳng phải mà bèn bỏ đó chẳng tôn thờ, như đoạt trâu tội tắt nặng,) gốc nhẹ mà ngọn nặng (ân mỏng của thầy gốc nhẹ mà chẳng kính làm ngọn nặng) như tôn tuy nghĩa chẳng thấp hèn thì muốn y cứ việc đó ư? (Cha dù cho chẳng đáng cha, con không thể chẳng giữ phận con) Lễ nói: Cha mẹ thương con mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét con, sợ mà không oán (người làm con là chẳng lo không làm được việc gì mà lo chẳng có hiếu, cung kính lệnh cha, đâu thường có đó) chuyển dời được điều này đến thầy đó là đâu khiến quá thân đó ư (chuyển dời phụng thờ cha, đạo chẳng quên chẳng oán, mà phụng thờ đối với thầy thì sẽ không quá đó) nên có giả thầy mà làm danh, xem thường lương đức của thầy, (lương là mỏng, giả là mượn, vì đức của thầy mỏng, rất không có nghi thức kính

thuận, chỉ mượn danh thầy mà thôi) sắp thẳng đường thì gân cốt liền mở, khiến hầu ngồi thì tay chân uể oải (ở trong hang nằm mà không ngồi, lại là người lười biếng như ở trong tại hang nằm mà chẳng ngồi dậy) đó hoặc đuôi lớn mà chẳng xứng, tả truyện nói: Đuôi lớn chẳng xứng nay hoặc đệ tử hơn thầy nên cùng khinh ngạo) nên răn phạt đó chẳng đến, hoặc minh linh đó có tợ tướng của vật loại vờ (minh linh là ông lấy trùng mà chú đó tợ như ta, tợ như ta chẳng mấy ngày mà trùng hóa thành ong. Nay đệ tử là do người khác sinh ra, lấy để dạy răn, khiến làm học trò) oai đó còn chẳng cần dung, mà đức đâu thể phục tâm đó ư? (Quan có oai hình sự công còn chẳng sợ dung. Nay thầy dùng đức làm sao có thể phục tâm đó?) nay phong của bạc béo cuối cùng, thầy tìm đệ tử, chẳng phải đệ tử tìm thầy, thầy cho đây là bắt đầu, đệ tử cho đây là kết thúc, than ôi! Ngày nào chẳng do đó! Phàm, tiên sư nước Lỗ vì nhiệm có phác, phiền trì ngự, Tử Cống dịch Nhan Hồi... (Nhiệm Cầu tự là Tử Hữu, Phiền Tư tự là Tử Trì, Đoan Mộc Tứ tự là Tử Cống, Nhan Hồi tự là Tử Uyên, xưa kia Phu tử tại trần thì ban dịch đồng sở) đó sao đến so với đây ư? Đức kia dày có thể mển, mà đệ tử Phật mển đức cho nên như vậy, thời nhà Lương có bậc chí nhân là Tuệ Bố Tam Quả, khéo thấu suốt ba luận thời bấy giờ gọi là Đắc Ý Bố, thấy người ưa thích sinh Tịnh Độ thì bảo họ rằng: Phương độ là tịnh, chẳng phải ta nguyện. Thế nào là ở trong hoa mười kiếp thọ vui, không phải như trong ba đường cứu khổ (sinh phương Tây thuộc hạ phẩm trung sinh thì ở trong hoa sáu kiếp, còn hạ phẩm hạ sinh thì ở trong hoa sen mười hai kiếp, hoa nở mới được thấy Phật, chẳng như ở trong ba đường, chúng sinh khổ. Đây là Bồ-tát thêm tâm bi) phàm pháp tập thì trước chúng đến mà im lặng, lếu lảo kia sợ như ngâm chí của gốc đức (thẳng đường thì đến trước, sau sinh sợ đó mà im lặng) sau khi thị tịch tay cong ba ngón, đất rung động bảy ngày, sử Tần nói là sao người đắc đạo diệt (cao tăng truyện chép Tuệ Bộ thế sinh trong ba đường cứu khổ chúng sinh) xưa kia đời Ngụy, Huyền Cao có thế nguyện sinh vào ba đường xấu ác, thời nhà Tề Tăng Cảnh cũng vậy, chỉ có bậc thánh và bậc thánh mới năng đến nơi đây, thời Trần, Tuệ Tư ở Dịch Nhạc tức Nam Nhạc ở Hồ Nam, nay là Nhạc Châu) chứng Pháp Hoa Tam-muội, biết được việc đời trước, trên đảnh có nhục kế biết được tâm người, độc chẳng thể hại, oán chẳng thể động, mới đầu Trí Khải vui mừng phong đó mà đến, Tuệ Tư bảo: Xưa kia ở Linh Sơn đồng nghe Pháp Hoa, chỗ tìm duyên xưa nay lại đến, bèn chỉ bày đạo tràng Phổ Hiền bốn hạnh an lạc. Trí Khải hành đạo trải qua hai mươi một đêm tụng đến phẩm Dược Vương, câu tâm duyên khổ hạnh là

tinh tấn chân thật thì thấy cùng Tuệ Tư đồng tại núi Linh Sơn nghe Phật nói pháp, Tuệ Tư bảo: Tướng linh dị này nếu chẳng phải ông thì không cảm, chẳng phải tôi thì chẳng biết, Pháp Hoa Tam-muội này là phương tiện trước, Tuệ Tư dùng trao truyền nghĩa Tam quán cho Trí Khải, Trí Khải dùng nghĩa bốn giáo bổ sung. Nên tông chỉ Ba Quán bốn giáo, từ Hành nhạc Thiên thai là đầu tiên. Lương sách thảo đường ước làm Trí giả (tức Pháp sư Tuệ Ước). Đời Trần đời Tùy tôn xưng Trí Khải là trí giả (tức nay chùa Ngọc Tuyền ở giang lăng, do quan tướng quân xây dựng) chỉ có bậc hiền của đạo nghe hư danh chẳng phải tốt đẹp, thấy hư khí chẳng lấy làm trọng, tâm như sắc mây, vết như lông bay (chỉ có khí và danh chẳng thể dùng giả người, mà các bậc cao sĩ có đạo thấy danh trôi nổi cũng chẳng cho là quý) mà đế thiên hạ là thầy thánh đó, bạn hiền cố nhiên đó là vậy (vì đời Lương, Trần, Tùy quý có thiên hạ, chẳng thể chẳng tôn thánh mà bạn với Hiền ư?) có người hỏi quả Vị, của Hành Nhạc thì bảo là: Tôi là người ở vị Thiết Luân Vương (Bồ-tát vị Bốn gia hạnh làm vua bốn châu, vua Thiết Luân thì ở Noãn vị) hoặc hỏi về quả vị của ngài Thiên thai, thì bảo là: Tôi chẳng lãnh chúng, thì sẽ tịnh sáu căn (một là từ Bát địa trở lên sáu căn thanh tịnh, hai là Sơ địa trở lên, ba là tư lương gia hạnh cũng thanh tịnh. Nay Trí Khải và Tuệ Tư đều là hàng tư lương gia hạnh Địa tiên) vì người tổn mình chỉ là người trong năm phẩm, Gia Tường mới đầu nghe Thiên Thai lại khinh ở tại (Cao Tăng Tuệ Kiểu ở chùa Gia Tường) khi cũng đã mất thấy mới dốc lòng làm học trò, lại dùng ba luân mổ đoán qua lệ, chế thắng đó luận, mà đặc biệt nổi tiếng khắp thiên hạ, đệ tử Trí Khải nghiệp chuyên môn tuy chẳng dốc hết đối với thầy mà đến chết thì được ngợi khen. Bốn triều ở Nam Độ Khắc chuông Huyền Lý (Tống, Tề, Lương, Trần) giúp Long Thọ, Đề-bà soạn luận chẳng nhỏ, Chân Đế tuy dịch các bộ như đối pháp Duy Thức, v.v... (Tam Tạng pháp sư Chân Đế đến thời nhà Trần) gặp nhà vua rất vui lòng, Thiên bộ khổng gian (khổng rất gian nan, hậu chúa biến loạn) chỗ học trò nghiên cứu sự nghiệp mở mang, có pháp hội vạch nghiên giảng ký để lại hơn một nửa, tiếc thay thọ mạng ngắn ngủi nên chẳng làm tròn chí nguyện, ngày sắp tịch bảo đốt bản thảo người nghe rơi lệ, từ đó về sau, học trò dần mất đi (gặp pháp sư khảo xét Duy Thức chưa tận cùng yếu chỉ, mà đến thời Tiền Đường, Từ Ân trước soạn Duy Thức Sơ mười quyển) đến thời Chân Đế trở về Nam gom tập những gì không nghe, nên học của sắc tâm trọn ít nghe ở tận thiện, các nhà chương số hẳn để ý trước ở lý Không (từ Chân Đế về sau, ít tuyên pháp tướng, phần nhiều mở rộng tánh không) Quốc sơ Huyền Trang

(vào niên hiệu Trinh Quán) dịch, Duy Thức trao cho học trò là Khuy Cơ (Khuy Cơ họ Uất Trì, tự là Hồng Đạo, du tử của Ngạc Công kính đức, soạn trăm bản số, tức Hòa-thượng Từ Ân) và bao gồm Du-già (đều luận về Đại thừa). Dịch Câu-xá trao cho học trò là Quang (chưa rõ) bao gồm Bà-sa (và luận Tiểu thừa) có thể gọi là pháp tướng sáng đẹp, danh số sâu rộng, tinh sâu châu tục, thông đạt đại đạo, cái học của Không tông kia im lặng như chẳng kinh qua chỉ đó (Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang vào niên hiệu Trinh Quán đến Tây Quốc học kinh luận Pháp tướng, đến niên hiệu Trinh Quán cũng trở về, mở rộng Pháp tướng, các vị chuyên tánh không thấy đó như lặng mà sóng yên) Thái Tông, Cao Tông soạn lời tựa thánh giáo (nay thấy ở đầu các kinh). Hoa tỏa ở văn trời, chân phong luyện ở góc biển, đến khi Huyền Tông chú số Bát-nhã, bởi hai thánh chứa đượm của Khuy Cơ (Huyền tông chú số kinh Kim Cang, hiện lưu hành ở đời) chỉ ở đời vì dịch kinh thì dễ, dịch luận thì khó, mà người truyền cũng thế (truyền kinh là dừng ở tìm văn nêu chỉ thuật ý liên hoàn cho nên dễ, truyền luận là xoay vần tánh tướng thấu đạt sâu mầu cho nên là khó) thật do kinh chỉ dứt nghi sinh tin, ý chỉ xa mà văn gần, luận thì sạch cùng tánh tướng, răn sớng tinh vi, làm nghĩa hẳn là điển, làm văn chuộng hoa, lằm lằm âm luật, khanh thương bản uất (Ban uất là vẻ văn thể hưng thịnh) khách chủ do nhau, móc sâu làm đẹp, tự chẳng phải bậc thượng trí chẳng thể thấy ý của qua lại, nên người học ít chẳng công bồi làm núi (hạng cạn gần nghe mà khinh lờn, bởi chẳng phải cảnh đó. Làm núi chín nhận phát khởi từ đắp nhiều lớp đất) nói tham thần hóa vì giáo hành trung hạ, lúc đầu chẳng dịch luận, cầu đạo thầy trò giúp nhau cho nên khó (đến nay hạng người học kinh, đồng bạn đông như rừng, còn các vị nghiên cứu luận thì như vạch cát tìm báu). Phàm đồng bạn của pháp học biết kinh luật là chỉ như tán thuật văn đó mà thôi. Còn viện dẫn nhiều nghĩa lớn thì chẳng gọi đó là thấu suốt (nên nay ở đất Thục, khéo truyền kinh đều gồm cả học tập luận, sau đó truyền giảng mới tốt.) La-thập dịch kinh từ hẹp hòi, dịch luận thì buông lỏng. Huyền Trang thì trái lại. Nên ở đời La-thập, kinh học thì ưu (ưu là thắng), ở đời Huyền Trang luận học thì gấp bội. Xưa kia, Tuệ Lâm mạng một đôi giày ba mươi năm, gặp bùn sinh thì đi chân không mà bảo: Bùn sinh mềm dịu dễ đạp, tôi chẳng muốn tổn của tín thí nên làm như vậy. Thường bảo chúng rằng: kinh luật tôi đã nghe đều hai ba mươi biến, còn sợ là thiếu công, muốn gần các bộ khác mà chưa rảnh học nhiều. Học giả ngày nay ít có thông đủ, văn cú biết sơ sài thì đã dự làm sư phạm, đến nỗi có bao gồm thì chẳng biết đầu mối thế nào, ở đây

pháp diệt là do người, do đó trọn đêm tưởng hoài có bụi ngùi trong nỗi lòng!

